

Số: 06/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Dược Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-KĐCL ngày 09/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-KĐCL ngày 19/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Dược Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXI ngày 11-12/02/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Dược Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Dược Hà Nội theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Dược Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Dược Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Dược Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,17
Tiêu chuẩn 1	4,40
Tiêu chuẩn 2	4,25
Tiêu chuẩn 3	4,25
Tiêu chuẩn 4	4,25
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,14
Tiêu chuẩn 7	3,60
Tiêu chuẩn 8	4,50
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,13
Tiêu chuẩn 9	4,33
Tiêu chuẩn 10	4,00
Tiêu chuẩn 11	4,00
Tiêu chuẩn 12	4,20

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,22
Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 16	4,00
Tiêu chuẩn 17	4,50
Tiêu chuẩn 18	4,50
Tiêu chuẩn 19	4,25
Tiêu chuẩn 20	4,25
Tiêu chuẩn 21	4,25
Mục 4. Kết quả hoạt động	4,60
Tiêu chuẩn 22	4,75
Tiêu chuẩn 23	4,67
Tiêu chuẩn 24	4,50
Tiêu chuẩn 25	4,50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2017-2021 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định dựa trên các phân tích vĩ mô về xu thế phát triển chung và yêu cầu phát triển đất nước; phù hợp với tình hình của Nhà trường; đảm bảo tầm nhìn dài hạn, ổn định để đầu tư phát triển liên tục. Hệ thống quản trị hoàn chỉnh, cơ cấu tổ chức, các văn bản thể chế và nhân sự của hệ thống quản trị được rà soát thường xuyên, cập nhật theo đúng quy định và khá tối ưu. Cơ cấu quản lý phù hợp với quy định của pháp luật và chiến lược phát triển theo từng giai đoạn. Các chỉ tiêu chiến lược được xác lập phù hợp với định hướng đa ngành, đa lĩnh vực theo đại học nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo; các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực thi hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, được tạo điều kiện phát triển về chuyên môn; có trình độ cao, dẫn dắt về chuyên môn của ngành dược và năng lực nghiên cứu khoa học tốt. Công tác quản lý tài chính được thực hiện khá chặt chẽ, có sự tăng trưởng và ổn định. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện với hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử được tăng cường đầu tư; môi trường sinh thái và môi trường học tập được tạo dựng tốt, công tác an ninh an toàn được đảm bảo. Mạng lưới phát triển các đối tác, quan hệ đối ngoại được thiết lập đa dạng, gia tăng và đạt nhiều hiệu quả.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn chỉnh và vận hành tốt. Đội ngũ cán bộ chuyên trách và các cán bộ tham gia công tác đảm bảo chất lượng được đào tạo chuyên sâu, được bồi dưỡng về nghiệp vụ; chính sách chất lượng được đầu tư xây dựng và thực thi hiệu quả. Các mục tiêu tổng thể, các giải pháp, kế hoạch thực hiện các hoạt động được xác định rõ trong Chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2016-2020 và 2021-2030. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục được thực hiện định kỳ; các tồn tại được khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng và hỗ trợ kịp thời cho các cấp ra quyết định phù hợp. Công nghệ thông tin được ứng dụng khá hiệu quả trong việc thu thập và quản lý dữ liệu thông tin; đề án chuyển đổi số chuẩn bị được triển khai nhằm hướng tới đáp ứng yêu cầu phát triển đổi mới sáng tạo. Công tác so chuẩn đối sánh đã được quan tâm và thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược và triển khai các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai; chất lượng tuyển sinh ổn định và duy trì ở mức cao. Triết lý giáo dục cơ bản được chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học. Các định hướng phát triển ngành đào tạo phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường; nội dung các CTĐT được cập nhật, có tính phát triển chuyên sâu; cấu trúc hợp lý, logic. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được hoạch định

và có các chính sách ưu tiên phù hợp, có cơ chế giám sát chặt chẽ; hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả nghiên cứu khoa học và sáng tạo của đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu và người học được thiết lập; tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện. Mục tiêu chiến lược và các chỉ số thực hiện có đề cập đến vấn đề phụng sự xã hội và phục vụ cộng đồng.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra; theo dõi, giám sát, đánh giá và đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo. Tỷ lệ thôi học thấp, tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm cao; chất lượng người học tốt nghiệp được đánh giá tốt. Sản phẩm nghiên cứu phong phú, đa dạng; kết quả nghiên cứu có chất lượng về học thuật nổi bật và được Bộ Y tế và các quốc gia khác ghi nhận, có sản phẩm nghiên cứu được chọn tham gia chương trình Lab2Market; sản phẩm được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ được cải thiện; chuyển giao, thương mại hóa có các kết quả đáng khích lệ. Kết quả triển khai các mặt cộng đồng to lớn, toàn diện, thể hiện đúng vị thế, phù hợp sứ mệnh, mục tiêu của Nhà trường và đã nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng vì những đóng góp cho cộng đồng. Các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, thực hiện tốt; tỷ lệ thu từ đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ khá tốt. Vị trí của Nhà trường trong hệ thống các trường đại học đào tạo ngành dược học của Việt Nam được khẳng định với vị thế cao về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, hoàn thiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp; kết hợp xây dựng gói Nhận diện thương hiệu một cách đầy đủ và hiệu quả hơn; định vị Nhà trường cụ thể trong tầm nhìn theo tiếp cận xếp hạng và đối sánh để có cơ sở để thực hiện và xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể; xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; tăng cường truyền thông để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.

2. Quan tâm xây dựng đại học thông minh và áp dụng chuyển đổi số để tăng cường khả năng quản trị dựa theo dữ liệu và quản trị thông tin; phân cấp, phân công, ủy quyền tối ưu hơn nữa trong việc xây dựng và ban hành một số văn bản của Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu; tăng cường sự phối hợp giữa Hội đồng trường và Ban Giám hiệu, cùng kiến tạo cho sự đổi mới; linh hoạt và hiệu quả hơn các hình thức chuyển tải các quyết định của các bộ phận trong hệ thống quản trị tới các đơn vị.

3. Sớm triển khai thực hiện Đề án xây dựng Phòng thiết bị nghiên cứu trung tâm, Phòng thực tập chung để tập trung sức mạnh, phối hợp được nhiều chuyên ngành, tạo thuận lợi cho việc thực hiện các công trình lớn của các nhóm nghiên cứu mạnh; đánh giá việc tái cấu trúc cơ cấu quản lý hiện nay một cách toàn diện; đánh giá hiệu quả về nhân sự, khối lượng công việc được giao; xem xét các hình thức kết nối với các bên liên quan hợp lý, có hiệu quả để có thông tin bên ngoài phục vụ cho các hoạt động của Trường.

4. Nghiên cứu xây dựng đề án mở các mã ngành đại học khác có liên quan về Dược, như ngành Dinh dưỡng trong Lĩnh vực khoa học sức khỏe, ngành công nghệ thực phẩm trong Lĩnh vực sản xuất và chế biến ...; tiên phong xây dựng đề án mở một số CTĐT có tính mới, thực

tiền và hiện đại mà các nước trên thế giới đang quan tâm trong ngành Dược như các chuyên ngành đào tạo chuyên sâu về Pharmacy Informatics, Pharmacogenomics ...; tăng cường tuyên truyền, phổ biến về bộ tiêu chí và tính điểm đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) đối với giảng viên đến các cán bộ và các đơn vị để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tăng cường tập huấn cho viên chức quản lý và diện qui hoạch về các chính sách; xây dựng bổ sung các chính sách phù hợp để tuyển sinh sau đại học, đáp ứng với yêu cầu tỷ lệ CTĐT sau đại học và học viên sau đại học của một trường đại học nghiên cứu; các chính sách như thương mại hóa sản phẩm, chính sách mở rộng quan hệ quốc tế; quan tâm chỉ đạo phát triển mạng lưới kết nối; đưa 4 nội dung của chính sách kết nối và phục vụ cộng đồng (học tập, nghiên cứu khoa học gắn với cộng đồng, hoạt động hướng tới cộng đồng và vì cộng đồng, các hoạt động tình nguyện) vào thực tiễn.

6. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chiến lược về phát triển nhân lực để có sự điều chỉnh về chỉ tiêu quy mô, chất lượng để đảm bảo tính khả thi cao cho các chỉ tiêu chiến lược; ban hành quy định riêng về chính sách phát triển nhân lực một cách cụ thể, rõ ràng, có dự trù kinh phí để thực hiện; kết hợp chính sách thu hút trong tuyển dụng với chính sách đãi ngộ, tạo môi trường làm việc thân thiện, tạo điều kiện phát triển và cống hiến để cùng chung sức xây dựng Trường; quan tâm hơn đến bồi dưỡng năng lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên và nhân viên hành chính.

7. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng nguồn thu từ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh và các hoạt động dịch vụ khác; tiếp tục đầu tư cho Thư viện, bổ sung học liệu, nâng cấp phần mềm quản lý theo mô hình của một đại học điện tử, tăng cường kết nối để khai thác cơ sở dữ liệu của các tổ chức trong và ngoài nước, tổ chức biên soạn bài giảng điện tử; quan tâm hơn việc giám sát các phòng thí nghiệm để thực hiện tốt công tác thu gom chất thải độc hại; rà soát các quy định về công tác vệ sinh môi trường an toàn thực phẩm, thực hiện môi trường không khói thuốc lá, không tệ nạn xã hội ...

8. Xây dựng mục tiêu, kế hoạch và giải pháp cụ thể để hợp tác với các đối tác trong việc thu hút đội ngũ để dẫn dắt Trường trở thành đại học dẫn đầu Việt Nam về lĩnh vực đào tạo dược học, về nghiên cứu khoa học để có các nhóm nghiên cứu mạnh, quốc tế đủ tầm đưa Trường trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo vào năm 2045; phân loại, đánh giá, quy hoạch và phát triển có trọng tâm, trọng điểm các đối tác tương ứng; tăng cường truyền thông, hợp tác quảng bá thương hiệu và có giải pháp mang tính đột phá để mở rộng đối tác, mạng lưới, phát huy tiềm năng to lớn của đơn vị đầu ngành, đội ngũ chuyên gia giỏi, vị thế lớn để mở rộng mạng lưới và đối tác, quan hệ đối ngoại; sớm có kế hoạch và triển khai chuyển đổi MoU sang MoC và MoA hiệu quả; có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng Trường ngang tầm khu vực.

9. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu và bối cảnh phát triển của Nhà trường và tương thích với các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài và bối cảnh Việt Nam; tham chiếu Khung đảm bảo chất lượng ASEAN (AQAF) hoặc của Ủy ban Giáo dục đại học Châu Âu (ENQA), Khung Xuất sắc Baldrige... ; rà soát, cập nhật các kế hoạch chiến lược, nhiệm vụ hàng năm và hệ thống các quy định, hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và có kế hoạch, biện pháp thích hợp để thu hút các bên liên quan chủ động và tham gia tích cực vào quá trình triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng để phát huy hơn nữa hiệu quả vai trò giám sát, đánh

giá và liên tục cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và hướng tới xây dựng, phát triển được văn hóa chất lượng Nhà trường.

10. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá, quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài; phổ biến đến các đơn vị để thực hiện hiệu quả quá trình tự đánh giá và chuẩn bị tốt nhất cho các hoạt động đánh giá ngoài; phát huy vai trò của Hội đồng tự đánh giá, Hội đồng đảm bảo chất lượng trong việc tư vấn chính sách, tư vấn cải tiến chất lượng; khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện tự đánh giá các CTĐT theo kế hoạch; quan tâm công tác tuyên truyền, truyền thông về đảm bảo chất lượng để các bên liên quan hiểu rõ về mô hình, nguyên lý đảm bảo chất lượng đang vận hành để tích cực, chủ động hơn nữa trong quá trình tham gia tự đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động nhằm không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài để đảm bảo được việc thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả những hoạt động cốt lõi về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; bổ sung hệ thống thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế với các cơ sở giáo dục khác, hoặc đối sánh ngoài các CTĐT, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, chú trọng công tác truyền thông về các thành tích đạt được để góp phần tạo thương hiệu, uy tín và tăng thêm hình ảnh của Nhà trường ở trong và ngoài nước.

12. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về đối sánh, trong đó lưu ý đến việc xác định hình thức, đánh giá hiệu quả... của đối sánh; xác định rõ vai trò của đối sánh cấp khoa/viện, cấp trường và đối sánh ngoài đối với hoạt động cải tiến liên tục; đa dạng hơn các loại hình đối sánh, như đối sánh với đơn vị có thực tiễn tốt (Good Practices benchmarking), đối sánh các hoạt động (Performance Benchmarking), đối sánh theo tiêu chí/chức năng (Criteria/Function Benchmarking); phân tích sâu sắc kết quả đối sánh để tìm ra nguyên nhân, giải pháp cải tiến chất lượng hoặc lựa chọn các thông tin để tham khảo, học tập; rà soát đánh giá thường xuyên kết quả cải thiện năng lực cạnh tranh quốc tế để không ngừng cải tiến và tăng cường các chỉ số thị trường giáo dục của Nhà trường.

13. Phân tích và đề xuất các chính sách tuyển sinh để tăng cường đào tạo sau đại học, đào tạo tinh hoa; quảng bá rộng rãi để thu hút tốt hơn người học sau đại học; nghiên cứu xây dựng các tiêu chí tuyển sinh riêng, dựa trên yêu cầu về nghề nghiệp để xác định tiêu chí lựa chọn thí sinh trúng tuyển cho các CTĐT để có thể phát huy tốt hơn năng lực của người học đối với ngành đào tạo; có hội nghị tổng kết chuyên đề hàng năm về công tác tuyển sinh để có phân tích đánh giá làm căn cứ cải tiến, nâng cao chất lượng đầu vào và đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về công tác tuyển sinh.

14. Ban hành văn bản tổng thể, chi tiết về công tác xây dựng mới và rà soát điều chỉnh CTĐT; có hướng dẫn cụ thể về thiết kế chương trình dạy học dựa trên chuẩn đầu ra, về cách lựa chọn phương pháp dạy học và đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; tập trung rà soát, chỉnh sửa các CTĐT sau đại học; thiết kế đề cương chi tiết học phần thể hiện cụ thể hơn các hoạt động/phương pháp dạy học và lượng giá đánh giá học phần cho từng chuẩn đầu ra; có hướng dẫn tự học, thiết kế và triển khai đánh giá các hoạt động tự học; thể hiện cụ thể hơn phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá.

15. Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc lựa chọn và thiết kế các hoạt động dạy học

phù hợp với triết lý giáo dục và chuẩn đầu ra; thực hiện khảo sát khảo sát ý kiến của các bên liên quan ngoài Trường về sự phù hợp của triết lý giáo dục và sự phù hợp của các hoạt động dạy học để làm cơ sở cho các xem xét cải thiện các hoạt động dạy học; chính thức đưa học phần nghiên cứu khoa học vào CTĐT đại học; tạo cơ hội thực tập bệnh viện và công ty được sớm hơn, tạo điều kiện cho sinh viên được thúc đẩy sớm hơn tinh thần tự học tập và định hướng.

16. Ban hành một văn bản tổng thể về công tác kiểm tra đánh giá đối với tất cả các bậc đào tạo trên cơ sở tích hợp các quy định hiện có và cập nhật theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có hướng dẫn việc lựa chọn các hình thức thi, kiểm tra để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra; tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm; mô tả chi tiết hơn cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm thi thực hành; cân nhắc thực hiện đánh giá quá trình nhiều hơn để thúc đẩy quá trình học tập và giảm tải cho đánh giá kết thúc hoặc phân; thực hiện phân tích và đánh giá tính giá trị và tính tin cậy các đề thi hệ thống hơn, đặc biệt đối với các đề thi tự luận và tiểu luận; nghiên cứu cách thức đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần và của CTĐT một cách bài bản và hệ thống.

17. Có giải pháp hỗ trợ chuyên sâu cho nghiên cứu sinh, học viên cao học, nhất là các dự án nghiên cứu quốc tế để có nhiều hơn các kết quả nghiên cứu chất lượng cao; có cơ chế tăng cường sự tham gia của sinh viên trong nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; xác định rõ, xuyên suốt mục tiêu và kế hoạch, hành động để hỗ trợ hiệu quả cho người học nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra; có giải pháp để xây dựng các hệ thống học liệu điện tử, bài giảng trực tuyến; có giải pháp hiệu quả để phát triển không gian sinh hoạt, học tập, phát triển cộng đồng, đặc biệt không gian kết nối người học và cựu người học của Nhà trường.

18. Xây dựng chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hoạt động KPIs phù hợp; tăng cường chính sách đầu tư, giữ và thu hút được đội ngũ giáo sư và chuyên gia đầu ngành để dẫn dắt các hoạt động khoa học công nghệ; khai thác tốt mối quan hệ với các đối tác quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học; tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quy định, đổi mới công tác quản trị, cập nhật dữ liệu và thông tin kịp thời để có những phân tích và tham mưu phù hợp nhằm tăng hiệu quả cho công tác quản lý.

19. Đầu tư cho chiến lược tạo tài sản trí tuệ, chiến lược khai thác/“ra thị trường” các tài sản trí tuệ; xây dựng các KPIs và triển khai thực hiện hàng năm; chú trọng công tác tập huấn hướng dẫn về hoạt động sở hữu trí tuệ, có cơ chế khuyến khích việc tạo tài sản trí tuệ cũng như các chế tài xử phạt liên quan và các giải pháp đồng bộ khác để bảo hộ tài sản trí tuệ của cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng; có chiến lược khai thác sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ của Nhà trường để tăng cường nguồn thu từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

20. Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các trường/viện có thế mạnh, theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu khoa học là kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học giữa hai bên nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu khoa học; có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút đội ngũ chuyên gia nước

ngoài có uy tín chuyên môn cao; tăng cường năng lực cho cán bộ khoa học đi cùng với các đối tác xây dựng được các đề tài, dự án hợp tác song phương, các đề tài nghị định thư để phát huy được nội lực, tiềm năng và nâng cao uy tín, thương hiệu của Nhà trường.

21. Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể để kết nối tạo giá trị bên trong và thực thi các mục tiêu cụ thể cung cấp giá trị ra bên ngoài một cách có tổ chức và tính hệ thống; có kế hoạch, cơ chế và giải pháp gắn trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể, tổ chức trong công tác phục vụ cộng đồng thông qua chính vị trí việc làm, trách nhiệm của từng cá nhân theo các sản phẩm đầu ra tương ứng; cải tiến bộ chỉ số phục vụ cộng đồng tham chiếu đến đóng góp của cơ sở giáo dục đại học trong các chỉ số phát triển năng lực, cạnh tranh quốc gia, nâng cao vị thế của Việt Nam, góp phần vào đạt được 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc; đánh giá, xây dựng các mục tiêu chủ yếu cho từng hoạt động hằng năm làm cơ sở xác định các giải pháp cải tiến, xây dựng hệ thống phục vụ cộng đồng bên trong và lấy ý kiến cộng đồng bên ngoài để có giải pháp cải tiến theo từng giai đoạn phù hợp.

22. Khuyến khích các sinh viên, học viên sau đại học có học lực tốt sắp xếp kế hoạch học tập hợp lý để có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp; tiếp tục làm tốt hơn công tác hướng nghiệp ngay từ năm thứ nhất để hun đúc lòng yêu nghề và tinh thần ham học hỏi cho sinh viên; chú trọng các hoạt động rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ, nâng cao năng lực khởi nghiệp cho sinh viên và tăng cường kết nối với các cựu sinh viên; định kỳ khảo sát tình hình khởi nghiệp của sinh viên và học viên sau đại học đã tốt nghiệp; đa dạng đối tượng khi khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu; nghiên cứu lựa chọn mô hình hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết lập văn hóa nghiên cứu khoa học và thói quen nghiên cứu khoa học; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa được; nghiên cứu phương án và có lộ trình xây dựng trung tâm chuyển giao tri thức và công nghệ (tri thức nước ngoài, tri thức trong nước, tri thức của trường); tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao nghiên cứu khoa học; có các giải pháp tích cực, khẩn trương để quản lý, bảo hộ các tài sản trí tuệ, tăng cường công tác sở hữu trí tuệ.

24. Xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng nhóm việc làm và đối tượng tham gia, nguồn lực tương ứng, đơn vị phối hợp để thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng theo sứ mạng, mục tiêu và nguồn lực của Nhà trường nói riêng và sứ mạng của một trường đại học nói chung; có các giải pháp, chương trình thực thi thực hiện xây dựng xã hội học tập cộng đồng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức, nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học, cập nhật tới cộng đồng; nâng tầm tương xứng với trường top đầu, tầm khu vực, Châu Á trong các quy định hướng dẫn và quy trình giám sát, đánh giá; xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, mức độ tác động của hoạt động đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học và có hướng dẫn, kế hoạch triển khai phù hợp.

25. Xác định rõ một số chỉ tiêu định lượng như tổng nguồn thu, cơ cấu thu từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và hoạt động khác trong kế hoạch tài

chính năm; đa dạng hoá nguồn thu, trong đó có nguồn thu từ các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nguồn thu; hoàn thiện Bộ chỉ số thị trường giáo dục theo hướng tích hợp các bộ chỉ số hiện có; chú trọng những chỉ số cốt lõi của các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; có chỉ số kết quả cụ thể dựa trên các mục tiêu trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; định hình thứ hạng của sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam và khu vực, quốc tế.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
